

Số:17/2024/QĐST - DS

Chơn Thành, ngày 23 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự tự thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 46/2024/TLST-DS ngày 25/3/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thỏa thuận giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (S1); Trụ sở: Lầu H, 2 N, phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng T - Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Lê Thị H – Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro, Ngân hàng TMCP S; Chi nhánh C, tỉnh Bình Phước

*Bị đơn:* Ông Phạm Đức L, sinh năm 1981; bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1984; Cùng trú tại: Tổ 9, khu phố 2, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ:

2.1.1. Ông Phạm Đức L, bà Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng S1 nợ gốc, lãi tạm tính từ ngày 15/01/2024 đến ngày 14/5/2024 tại Hợp đồng tín dụng số: 202226573411 ngày 22/3/2022, giấy nhận nợ số 02/LD 2307400274 ngày 15/3/2023; Thoả thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/202226573411 ngày 14/3/2023 với tổng số tiền là 4.165.467.526 đồng. Trong đó, nợ gốc 4.000.000.000 đồng, nợ lãi 165.467.526 đồng

Ông L, bà M phải tiếp tục trả cho Ngân hàng S1 số tiền lãi theo mức lãi quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 202226573411 ngày 22/3/2022 trên số

nợ gốc 4.000.000.000 đồng kể từ ngày 15/5/2024 cho đến khi ông L, bà M trả hết nợ gốc (4.000.000.000 đồng) nói trên cho Ngân hàng S1.

2.1.2. Ông Phạm Đức L, bà Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng S1 nợ gốc, lãi tạm tính từ ngày 15/01/2024 đến ngày 14/5/2024 tại Hợp đồng tín dụng số: 202326981473 ngày 14/3/2023, giấy nhận nợ số 01/LD 2307400275 ngày 15/3/2023 với tổng số tiền là 1.041.399.655 đồng. Trong đó, nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 41.399.655 đồng.

Ông L, bà M phải tiếp tục trả cho Ngân hàng S1 số tiền lãi theo mức lãi quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 202326981473 ngày 14/3/2023 trên số nợ gốc 1.000.000.000 đồng kể từ ngày 15/5/2024 cho đến khi ông L, bà M trả hết nợ gốc (1.000.000.000 đồng) nói trên cho Ngân hàng S1.

2.1.3. Ông Phạm Đức L, bà Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng S1 nợ gốc, lãi tạm tính từ ngày 11/01/2024 đến ngày 14/5/2024 tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 26/4/2023 với tổng số tiền là 38.953.471 đồng. Trong đó, nợ gốc 38.953.471 đồng.

Ông L, bà M phải tiếp tục trả cho Ngân hàng S1 số tiền lãi theo mức lãi quá hạn quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 26/4/2023 trên số nợ gốc 38.953.471 đồng kể từ ngày 15/5/2024 cho đến khi ông L, bà M trả hết nợ gốc (38.953.471 đồng) nói trên cho Ngân hàng S1.

2.1.4. Ông Phạm Đức L, bà Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng S1 nợ gốc, lãi tạm tính từ ngày 25/01/2024 đến ngày 14/5/2024 khoản vay tiêu dùng trên hạn mức thẻ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 26/4/2023 với tổng số tiền là 169.096.800 đồng.

Ông Phạm Đức L, bà Nguyễn Thị Tuyết M phải tiếp tục trả cho Ngân hàng S1 số tiền lãi theo mức lãi quá hạn quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 26/4/2023 trên số nợ gốc 169.096.800 đồng kể từ ngày 15/5/2024 cho đến khi ông L, bà M trả hết nợ gốc (169.096.800 đồng) nói trên cho Ngân hàng S1.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông L, bà M có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng S1 tại các hợp đồng nêu trên tính đến ngày 14/5/2024 là 5.414.917.452 đồng (*Năm tỷ bốn trăm mười bốn triệu chín trăm mười bảy ngàn bốn trăm năm mươi hai đồng*). Trong đó nợ gốc là 5.208.050.271 đồng và nợ lãi 206.867.181 đồng.

2.2. *Về xử lý tài sản thế chấp*: Trường hợp, ông L, bà M không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng S1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý (kê biên, phát mãi) tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 183/TC ngày 22/3/2022 và thoả thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/183/TC ngày 14/3/2023 là thửa đất số 199, tờ bản đồ số 28, diện tích 1266,1 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 507872, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS - 00401, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 04/5/2017 cho ông Phạm Đức L, bà Nguyễn Thị Tuyết M và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

2.3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Phạm Đức L, bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí với số tiền là 56.707.458.726 đồng (50% số tiền án phí 113.414917.452 đồng). Ngân hàng S1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân

hàng S1 số tiền 56.650.000 đồng (Năm mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004138, ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Phạm Đức L, bà Nguyễn Thị Tuyết M và Ngân hàng S1, mỗi bên phải chịu số tiền 2.000.000 đồng, do Ngân hàng S1 đã nộp chi phí nêu trên nên ông L, bà M có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng S1 số tiền 2.000.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- CCTHADS thị xã Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Trần Quốc Mạnh**